THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2018/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014, như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm văn

bản mật, tối mật, tuyệt mật (sau đây gọi tắt là văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; các cơ quan, tổ chức khác trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan, địa phương).”

2. Khoản 1, khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, như sau:

“1. Nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao” bao gồm: Soạn thảo và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, phê duyệt hoặc ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền các đề án, báo cáo, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính; những nhiệm vụ cụ thể khác được giao thực hiện trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (không bao gồm những nhiệm vụ thực hiện thường xuyên theo chức năng của các bộ, cơ quan, địa phương);

2. Nhiệm vụ giao trong văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị định của Chính phủ, Quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ.”

3. Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Phân loại các nhiệm vụ giao

1. Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện.

2. Nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện”.

4. Khoản 1, điểm g khoản 1 và khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- “1. Đối với văn bản giao nhiệm vụ không phải là văn bản mật, cập nhật các thông tin sau đây lên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và công khai trên mạng dùng riêng của Chính phủ:”

- “g) Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện; đang thực hiện; chưa thực hiện trong hạn hoặc quá hạn; chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giao so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ);”

- “2. Đối với văn bản giao nhiệm vụ được phát hành theo chế độ mật (mật, tối mật, tuyệt mật), cập nhật các thông tin sau đây lên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và công khai trên mạng dùng riêng của Chính phủ:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản (không có trích yếu);

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;

d) Đơn vị (thuộc Văn phòng Chính phủ) được giao theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

đ) Tổng số nhiệm vụ giao (không cập nhật chi tiết nội dung nhiệm vụ);

e) Thời hạn hoàn thành;

g) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện; chưa thực hiện trong hạn hoặc quá hạn; không cập nhật nội dung chi tiết kết quả thực hiện);

Trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương phải báo cáo các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng văn bản theo chế độ mật gửi Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan".

5. Điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Điểm b, điểm c khoản 1:

"b) Cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị chưa có kết nối Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi từ Văn phòng Chính phủ đến cơ quan, đơn vị đó.

c) Cập nhật tình hình theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giao so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các bộ, cơ quan, địa phương đã cập nhật trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi."

- Khoản 2:

"a) Trên cơ sở nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được chuyển đến Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi, các bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm rà soát, đối chiếu các thông tin trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi với các văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cập nhật thiếu nhiệm vụ giao hoặc nội dung nhiệm vụ được cập nhật và chuyển đến chưa chính xác hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan, địa phương mình thì phải trao đổi, thông tin kịp thời hoặc chuyển lại Văn phòng Chính phủ (nêu rõ lý do) để cập nhật bổ sung, điều chỉnh hoặc chuyển đến bộ, cơ quan, địa phương khác thực hiện theo quy định.

b) Cập nhật đầy đủ tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo các nội dung quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 5 Quy chế này trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi."

6. Khoản 3 Điều 7 được bổ sung như sau:

"3. Văn phòng Chính phủ hoàn thành việc cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị chưa có kết nối Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị này."

7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi điểm a khoản 1:

"a) Văn phòng Chính phủ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương; chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao (đánh giá về tiến độ, chất lượng, hiệu quả so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) của bộ, cơ quan, địa phương, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ."

- Bổ sung điểm d khoản 1:

"d) Đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương cung cấp thông tin, tài liệu, thông báo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao để kịp thời rà soát, đánh giá, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ."

8. Điểm e khoản 1 Điều 12 được bổ sung như sau:

"e) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương và báo cáo kết quả kiểm tra tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng."

9. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi như sau:

"2. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

các bộ, cơ quan, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cho đăng tải công khai kết quả thực hiện đó trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ."

10. Khoản 1 Điều 20 được sửa đổi như sau:

"1. Rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong phạm vi quản lý của mình. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gửi báo cáo đến Văn phòng Chính phủ để tổng hợp."

11. Khoản 1 Điều 21 được sửa đổi như sau:

"1. Rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đến Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan."

12. Điều 22 được sửa đổi như sau:

"1. Chậm nhất trước ngày 20 tháng 6 (đối với Báo cáo 6 tháng) và ngày 30 tháng 11 (đối với Báo cáo năm), các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Văn phòng Chính phủ.

2. Trên cơ sở số liệu của các bộ, cơ quan, địa phương, trước ngày 25 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hàng năm, Văn phòng Chính phủ tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc